

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động trái chiều

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL có diễn biến trái chiều với F2001 và F2003 giảm điểm nhẹ

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VNM, PNJ

[Cập Nhật Công Ty]

KQKD 11 tháng của MWG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh giá thấp

23/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	959.43	+0.32
VN30	868.20	-0.02
HĐTL VN30	868.10	-0.15
HNXIndex	102.35	-0.07
HNX30	181.03	-0.26
UPCoM	55.48	-0.34
USD/VNĐ	VND23,177	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.50	-0
Lãi suất qua đêm (%)	2.46	+36
Dầu (WTI, \$)	60.41	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,484.21	+0.41



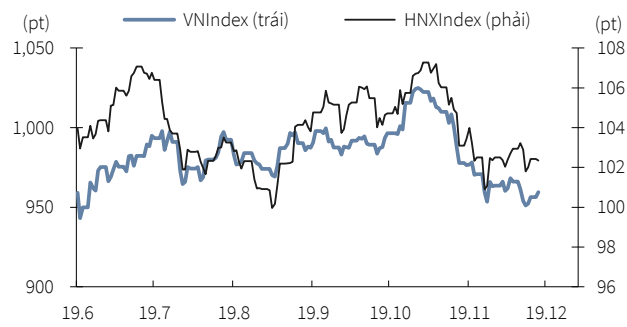
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	959.43 (+0.32%)
KLGD (triệu CP)	190.1 (+3.6%)
GTGD (triệu US\$)	204.6 (-10.9%)
HNXIndex	102.35 (-0.07%)
KLGD (triệu CP)	28.9 (+37.8%)
GTGD (triệu US\$)	11.0 (+33.4%)
UPCoM	55.48 (-0.34%)
KLGD (triệu CP)	9.2 (+25.7%)
GTGD (triệu US\$)	4.3 (+49.3%)

TTCK Việt Nam biến động trái chiều với thanh khoản ở mức cao và độ rộng thị trường có phần nghiêng về số mã giảm điểm. Trên sàn HSX, chỉ số VNIndex có phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp với sự phân hóa mạnh ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 17 mã tăng (VCB, SAB, VJC...) và 12 mã giảm điểm (VIC, VHM, VNM, GAS...). Trên sàn HNX, chỉ số HNXIndex giảm điểm nhẹ do diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn này (PVS, VCG, MBS...). Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay với sự dẫn dắt từ mức tăng có phần đột biến ở BID và VCB. Nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao tiếp tục tăng mạnh với các mã tăng trần như FIT, KLF, GAB, TSC... Khối nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng với giá trị thấp, tập trung ở VCB, BID, HPG...

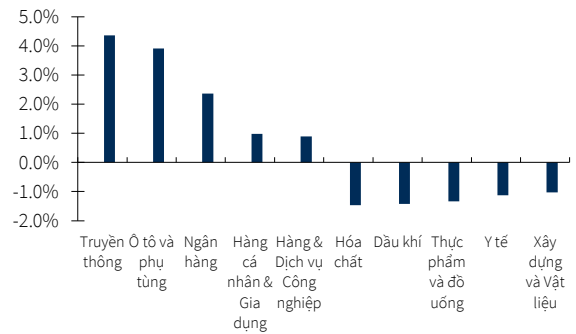
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.7

VN Index & HNX Index



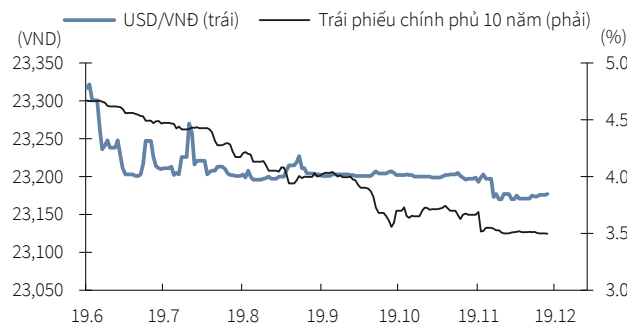
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



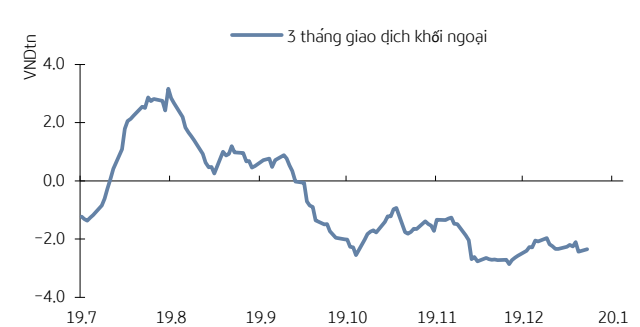
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	868.20 (-0.02%)
VN30 tương lai	868.1 (-0.15%)
Mở cửa	870.7
Cao nhất	875.9
Thấp nhất	868.1
Hợp đồng	76,924 (+10.2%)
KL HĐ mở OI	N/A

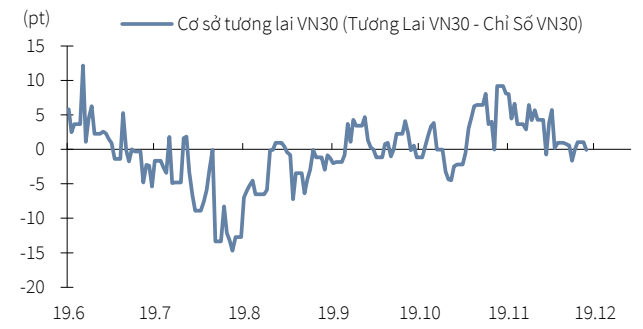
Các HĐTL có diễn biến trái chiều với F2001 và F2003 giảm điểm nhẹ, phù hợp với diễn biến điều chỉnh của chỉ số VN30; trong khi F2002 và F2006 tăng điểm nhẹ với thanh khoản ở mức thấp. Thanh khoản và giá trị giao dịch trên thị trường tăng nhẹ, tập trung chủ yếu ở HĐ F2001. Khối lượng lệnh đặt mua và đặt bán duy trì ở mức thấp với khối lượng đặt bán có phần chiếm ưu thế. Chênh lệch giữa các HĐ với chỉ số VN30 bị thu hẹp đáng kể (từ -0.1 đến 12 điểm tùy HĐ).

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



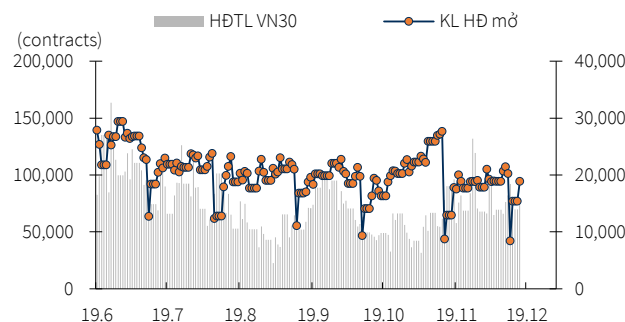
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



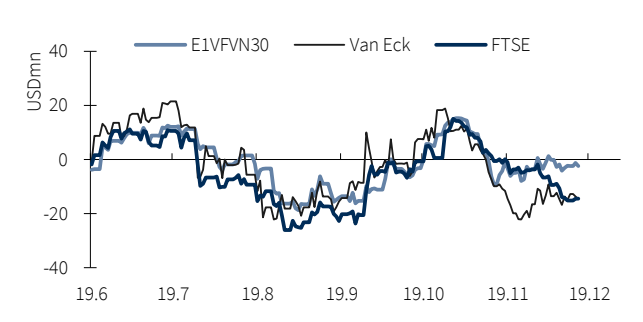
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

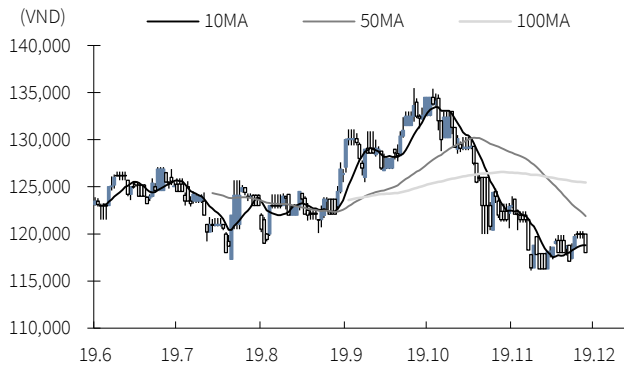
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vinamilk (VNM)

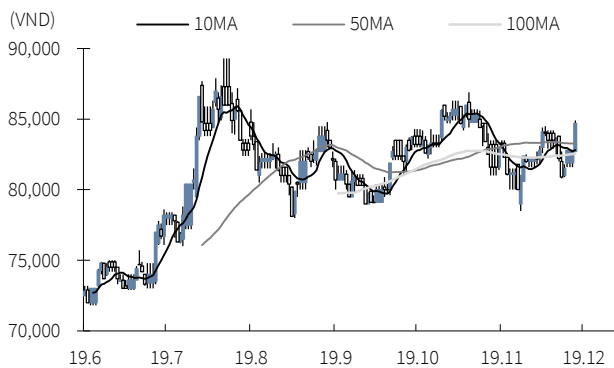


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm -1.7% xuống 118,000 VND/cp.

- VNM thông báo đã mua xong gần 78,6 triệu cổ phiếu GTNFoods (GTN) trong ngày 18 và 19/12. Sau giao dịch, Vinamilk tăng tỷ lệ sở hữu từ 43% lên 75% và chính thức trở thành công ty mẹ của GTNFoods. Thương vụ thu tóm sẽ giúp Vinamilk hưởng lợi dài hạn về mặt thị phần, nguồn cung sữa đầu vào, quỹ đất chăn nuôi... thông qua việc kiểm soát công ty Sữa Mộc Châu (hiện do Vilico, công ty con của GTN, nắm giữ 51%).

Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 2.3% lên 84,700 VND/cp.

- PNJ cho biết doanh thu trong tháng 11 đạt 1.677 tỷ đồng và lãi sau thuế 136 tỷ đồng, tăng lần lượt 32% và 60% cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ, lũy kế 11 tháng, PNJ đạt doanh thu 15.072 tỷ đồng, tăng 15% và lợi nhuận sau thuế 1.072 tỷ đồng, tăng 21%. So với kế hoạch năm, công ty thực hiện được 83% chỉ tiêu doanh thu thuần và 91% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

KQKD 11 tháng của MWG

Dự kiến vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2019

Lợi nhuận sau thuế 11T2019 đạt 99% kế hoạch lợi nhuận năm 2019

- Trong tháng 11/2019, doanh thu MWG đạt 8.363 tỷ đồng (+23,7% YoY) và 282 tỷ đồng LNST (+19,5% YoY). Biên lợi nhuận ròng trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 11 giảm nhẹ về 3,88% (so với mức bình quân 4,20% của 1H2019) do việc mở mới cửa hàng ở ạt trong 2H2019 và mùa sale 15 năm sinh nhật MWG trong tháng 7.
- Lũy kế 11 tháng năm 2019, MWG đạt hơn 93 ngàn tỷ đồng doanh thu và hơn 3,5 ngàn tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (LNST), tăng lần lượt 18% và 34% so với cùng kỳ năm ngoái, hoàn thành 86% kế hoạch doanh thu và 99% kế hoạch LNST cả năm. Mặc dù việc mở rộng mạng lưới làm gia tăng chi phí vận hành, biên LNR 11 tháng vẫn giữ ở mức 3,8% cao hơn mức 3,3% của 11T2018. Doanh thu online tăng 8% YoY và vẫn đóng góp 13% tổng doanh thu 11T2019.

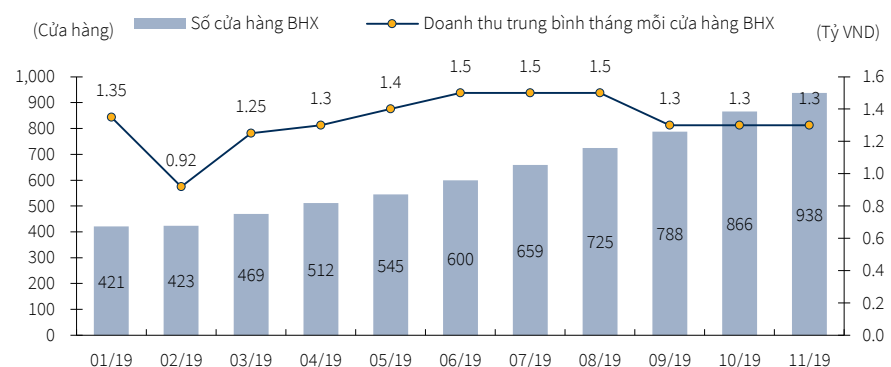
MWG đặt mục tiêu đạt 1.000 cửa hàng ĐMX và 1.000 cửa hàng BHX đến hết năm 2019

- Đến hết tháng 11/2019, MWG có tổng cộng 2.929 cửa hàng, tăng 117 cửa hàng là mức tăng nhiều nhất trong 11 tháng qua, trong đó chuỗi ĐMX tăng 46 cửa hàng (bao gồm cả mở mới và chuyển đổi từ TGDD) đạt 983 cửa hàng và BHX tăng 72 cửa hàng đạt 938 cửa hàng. Con số cửa hàng của ĐMX và BHX đã vượt xa mức kế hoạch cửa hàng đặt ra từ đầu năm 2019.

BHX tiếp tục mở rộng hoạt động ra các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ

- Số cửa hàng ở Tỉnh đã vượt quá 50% tổng số cửa hàng của toàn chuỗi BHX (514 cửa hàng tại 20 tỉnh khu vực Nam & Nam Trung Bộ ngoài TP.HCM). Chúng tôi cho rằng kế hoạch đẩy mạnh mở cửa hàng ở các tỉnh mới sẽ giúp MWG có được các vị trí cửa hàng tốt, đón đầu mùa mua sắm cuối năm và mùa tết. Doanh thu các cửa hàng ở tỉnh đang xấp xỉ doanh thu cửa hàng ở TP.HCM (1.4 tỷ đồng trong tháng 11) thể hiện mô hình BHX có thể được nhân rộng ngoài TP.HCM. Chúng tôi nhận thấy các chuỗi kinh doanh của MWG vẫn đang tăng trưởng ổn định và MWG nhiều khả năng sẽ vượt kế hoạch lợi nhuận của năm 2019. Để hòa vốn chuỗi BHX trong năm 2020 có thể sẽ còn nhiều thử thách nhưng chúng tôi tin rằng BHX vẫn đang đi đúng hướng. Chúng tôi duy trì quan điểm Tích cực đối với cổ phiếu MWG.

Biểu đồ 1. Doanh thu trung bình/cửa hàng/tháng và số lượng cửa hàng BHX



Nguồn: MWG, KB Securities tổng hợp

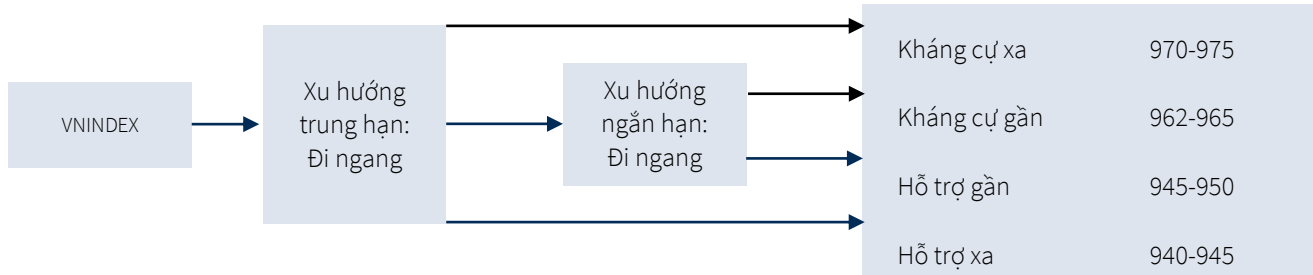
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VNIndex tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm phiên thứ 3 liên tiếp. Tuy nhiên, diễn biến gằng co trong phiên đã tạo hình thái nến doji, cho thấy khả năng rung lắc trong phiên kế tiếp.
- Bên cạnh đó, vùng cản gần đã đề cập tại 962-965 cũng sẽ gây áp lực điều chỉnh cho chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh giá thấp tại những phiên điều chỉnh để mở lại một phần vị thế ngắn hạn tỷ trọng thấp và mang tính trading cho những trạng thái còn nắm giữ.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Trái ngược với VNIndex, chỉ số VN30 quay đầu giảm nhẹ dưới áp lực bán mạnh vào cuối phiên.
- Chỉ số tạo mẫu nền Gravestone Doji tiêu cực, mở ra khả năng điều chỉnh trong phiên kế tiếp.
- NĐT được khuyến nghị có thể kê lệnh giá thấp, tại các vùng hỗ trợ trong phiên để mở một phần vị thế LONG ngắn hạn nhưng cần đặt điểm Stop loss chặt chẽ, đề phòng khả năng tiếp tục phá đáy của chỉ số.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

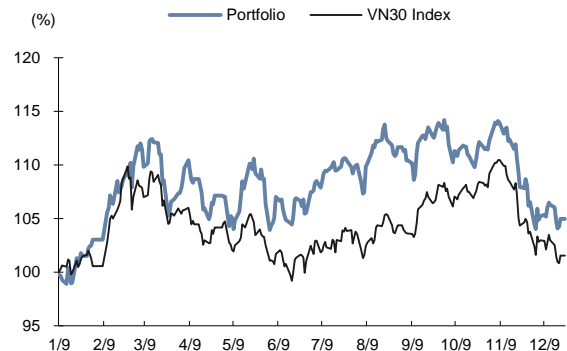
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.02%	0.15%
Tăng lũy kế (YTD)	1.55%	4.99%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	111,000	0.3%	-5.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,850	2.1%	0.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,700	2.3%	5.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,050	0.2%	6.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,500	-0.8%	5.6%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,100	-0.7%	44.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	24,300	1.9%	-11.6%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Định Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,500	-2.2%	-8.7%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,050	0.2%	-3.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,600	-1.1%	0.8%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	2.9%	23.9%	33.4
BID	4.7%	18.0%	32.9
HPG	0.2%	38.0%	17.9
E1VFN30	0.6%	99.4%	17.0
VNM	-1.7%	58.7%	15.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-0.1%	14.9%	-38.6
HDB	0.4%	23.7%	-12.0
MSN	-6.2%	39.0%	-11.2
FIT	6.9%	2.4%	-8.2
VHM	-0.5%	15.0%	-6.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	0.0%	15.6%	1.3
VCS	-3.0%	2.2%	0.5
CMC	6.1%	0.8%	0.2
AMV	0.0%	1.9%	0.2
IDC	0.0%	0.3%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.1%	21.8%	-2.5
NTP	0.0%	20.6%	-1.9
HUT	4.2%	23.7%	-1.0
BVS	0.0%	28.0%	-0.3
VNR	0.0%	28.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	3.4%	VCB, BID
Ô tô và phụ tùng	1.1%	TCH, SVC
Dầu khí	-0.2%	DRL, ASP
Du lịch và Giải trí	-0.3%	HVN, DAH
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.4%	PNJ, GMC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.5%	YEG, PNC
Hóa chất	-5.8%	PHR, AAA
Xây dựng và Vật liệu	-2.9%	CTD, ROS
Tài nguyên Cơ bản	-2.4%	HPG, AAA
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.3%	GAS, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	4.9%	TCH, HHS
Ngân hàng	4.1%	VCB, BID
Tài nguyên Cơ bản	3.1%	HPG, HSG
Y tế	0.0%	DCL, TRA
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%	AST, STG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-12.4%	YEG, PNC
Hóa chất	-6.4%	PHR, NHH
Thực phẩm và đồ uống	-5.5%	MSN, VNM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.2%	GAS, POW
Dầu khí	-4.8%	PVD, PVS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	115,700	389,744 (16,817)	47,747 (2.1)	21.8	74.5	43.9	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	-0.1	-0.1	-0.4	21.4
	VHM	VINHOMES JSC	83,800	275,661 (11,895)	174,078 (7.5)	34.0	14.6	10.5	35.0	33.5	35.9	4.7	3.2	-0.5	-2.7	-10.4	14.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,900	74,759 (3,226)	129,969 (5.6)	16.2	27.7	21.7	18.3	9.6	10.8	2.6	2.4	-0.2	-2.9	-5.5	17.9
	NVL	NOVA LAND INVES	56,000	53,147 (2,293)	19,343 (0.8)	31.4	18.2	17.3	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	0.5	0.0	-1.8	-12.8
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,600	14,482 (625)	7,849 (0.3)	4.5	15.6	11.9	20.7	12.9	15.0	1.9	1.8	0.0	-1.8	1.3	4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	13,650	7,175 (306)	19,946 (0.9)	3.4	5.0	4.7	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	-0.7	-4.9	-8.4	-27.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	90,900	337,137 (14,547)	50,020 (2.2)	6.1	20.5	16.0	24.5	24.4	24.4	4.1	3.2	2.9	5.7	6.3	69.9
	BID	BANK FOR INVESTM	44,750	179,985 (7,766)	30,927 (1.3)	12.0	28.5	20.4	15.9	12.9	14.1	2.3	2.1	4.7	6.8	11.3	30.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,100	80,853 (3,489)	23,586 (1.0)	0.0	8.5	7.3	8.5	16.8	16.5	1.3	1.1	1.3	-0.2	0.2	-10.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,550	76,516 (3,302)	49,390 (2.1)	0.6	10.3	8.3	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	1.0	1.2	-2.6	6.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,350	47,170 (2,035)	23,631 (1.0)	0.0	6.1	5.1	13.0	20.6	20.6	1.1	0.9	-1.3	-1.3	-4.2	-3.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,050	48,956 (2,112)	67,662 (2.9)	0.0	6.5	5.6	18.8	21.2	21.0	1.3	1.1	0.2	-1.6	-5.8	16.9
	HDB	HDBANK	26,300	25,800 (1,113)	33,338 (1.4)	6.3	8.1	6.9	12.8	18.7	19.5	1.4	1.2	0.4	-4.5	-5.4	-13.2
	STB	SACOMBANK	10,200	18,397 (794)	22,178 (1.0)	11.5	8.4	6.3	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	2.0	1.5	-0.5	-14.6
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (749)	3,316 (0.1)	0.0	7.0	5.4	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.0	0.0	-3.7	5.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,150	21,085 (910)	1,363 (0.1)	0.0	27.4	26.7	9.4	5.1	8.0	1.4	1.3	1.2	1.5	0.9	22.1
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	72,000	50,464 (2,178)	15,241 (0.7)	23.6	41.8	31.4	19.2	8.3	9.6	3.0	2.7	-0.7	-1.0	1.6	-19.1
	BMI	BAOMINHINSURANC	24,900	2,275 (098)	851 (0.0)	11.5	26.7	-	-	7.9	-	999.6	-	0.0	0.6	-5.5	20.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,350	9,323 (402)	22,871 (1.0)	44.8	4.6	4.2	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	0.3	-3.7	-8.7	-31.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	29,500	4,848 (209)	2,934 (0.1)	62.8	7.8	8.1	-14.5	16.0	13.9	1.2	1.1	-1.7	-6.1	-11.7	-36.6
	HCM	HOCHIMINH CITY	20,400	6,233 (269)	17,643 (0.8)	43.1	17.3	12.0	-16.4	9.8	11.5	1.4	1.3	-0.2	-11.9	-15.0	-14.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,500	3,024 (130)	2,562 (0.1)	8.5	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	1.0	0.9	0.0	1.0	3.6	-11.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,000	205,483 (8,867)	112,182 (4.8)	41.4	21.1	19.9	6.9	38.7	38.1	7.3	6.7	-1.7	-0.6	-2.9	-1.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	234,600	150,445 (6,492)	8,002 (0.3)	36.7	29.8	24.2	25.1	33.5	36.0	8.9	7.7	0.2	0.7	-0.2	-12.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	51,600	60,318 (2,603)	89,807 (3.9)	10.0	13.4	11.5	-1.7	13.9	14.5	1.8	1.6	-6.2	-9.0	-26.8	-33.4
HNG	HOANGANH GIA LA	14,200	15,741 (679)	5,226 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.4	-3.4	-11.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	142,900	74,857 (3,230)	61,333 (2.6)	10.4	13.7	11.8	6.4	38.0	37.3	4.6	3.6	0.3	-0.1	-0.1	19.1
	GMD	GEMADEPT CORP	24,300	7,215 (311)	4,886 (0.2)	0.0	13.2	12.2	-44.5	9.5	9.7	1.2	1.1	1.9	1.7	1.3	-7.1
	CII	HOCHIMINH CITY	22,100	5,477 (236)	5,651 (0.2)	19.0	10.8	9.8	147.6	11.0	12.2	-	-	-2.4	-2.9	-7.9	-16.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	23,550	13,367 (577)	797,867 (34.4)	45.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-1.9	-5.6	-39.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,700	9,618 (415)	15,133 (0.7)	33.1	7.9	9.9	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	5.9	-0.5	-4.4	2.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	55,700	4,249 (183)	3,225 (0.1)	1.2	6.3	6.6	-30.7	8.6	7.8	0.5	0.5	-4.0	-11.4	-15.1	-65.2
	REE	REE	35,500	11,007 (475)	19,429 (0.8)	0.0	6.2	6.0	1.1	16.8	15.9	1.0	0.9	-0.8	-3.0	-3.3	15.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	95,800	183,356 (7.912)	26,008 (1.1)	45.4	15.2	15.1	2.4	25.9	25.7	3.8	3.5	-0.2	-2.4	-7.1	10.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,000	6,333 (273)	6,352 (0.3)	30.3	8.6	8.7	-1.6	19.8	19.1	1.7	1.7	0.2	-1.8	-3.3	-10.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,800	8,592 (371)	8,740 (0.4)	32.8	9.5	9.4	-9.1	16.5	16.3	1.5	1.5	-1.5	-9.0	0.8	48.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,050	63,643 (2.746)	149,148 (6.4)	11.0	8.7	6.9	6.7	16.9	18.1	1.3	1.1	0.2	-2.9	4.3	-3.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,000	5,087 (220)	3,110 (0.1)	30.0	20.2	11.5	-16.2	3.5	6.2	0.6	0.6	0.4	-3.7	-1.1	-41.7
	DCM	PETROCA MAU FER	6,650	3,521 (152)	890 (0.0)	46.6	8.8	10.7	-	6.4	5.3	0.6	0.6	0.3	-1.3	-3.8	-35.4
	HSG	HOA SENG GROUP	8,160	3,454 (149)	33,504 (1.4)	31.4	9.1	7.0	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-2.4	-3.1	7.2	37.9
	AAA	AN PHAT PLASTIC	12,650	2,166 (093)	23,668 (1.0)	37.1	5.7	5.7	49.2	16.4	16.3	0.8	0.7	-5.6	-10.3	-11.8	-13.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	66,805 (2.883)	7,910 (0.3)	6.6	17.1	16.7	10.2	19.4	20.0	3.1	3.1	-1.4	-0.2	-3.9	5.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,900	6,275 (271)	25,755 (1.1)	28.8	39.0	28.3	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	-1.7	-1.0	-4.8	12.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,500	4,644 (200)	4,528 (0.2)	17.2	10.3	7.1	3.1	13.2	13.4	0.9	0.8	-0.6	-1.5	-5.2	5.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	111,000	49,139 (2.120)	62,200 (2.7)	0.0	13.2	10.6	25.4	34.9	32.7	4.1	3.1	0.3	-1.9	-0.9	27.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,700	18,851 (813)	26,889 (1.2)	0.0	17.0	14.2	20.7	27.8	28.2	4.1	3.4	2.3	1.3	3.8	21.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	38,500	1,136 (049)	1,038 (0.0)	68.0	-	23.2	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.8	4.1	-10.5	-17.6	-83.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,000	1,975 (085)	2,746 (0.1)	1.4	6.1	5.8	0.0	25.7	22.8	1.4	1.2	-6.0	-7.7	-18.8	-60.0
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	44,800	6,070 (262)	24,013 (1.0)	42.5	5.6	5.6	31.3	30.8	35.3	2.0	1.7	-6.0	-14.0	-22.8	33.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	91,100	11,911 (514)	1,152 (0.0)	45.5	20.0	18.8	4.0	20.1	20.0	3.6	3.4	-2.6	-3.1	-3.1	15.3
	PME	PYME PHARCO JSC	54,600	4,096 (177)	524 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.4	0.0	-14.0
IT	FPT	FPT CORP	56,100	38,051 (1.642)	60,677 (2.6)	0.0	12.1	10.2	25.2	24.0	24.7	2.5	2.2	-0.7	-0.7	0.2	46.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.